

Số: **252** /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **31** tháng **12** năm **2025**

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 374/TTr-SXD ngày 26 tháng 11 năm 2025;

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định ban hành Quy định xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định 46/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về Quy định một số nội dung về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Quyết định 19/2018/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương về Quy định về quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn thành phố Hải Dương.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy, TT HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- MTTQVN thành phố;
- VPTU, VP UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Báo và PTTH;
- Cổng TTĐTTP, Công báo thành phố;
- Các Phòng CV;
- Lưu: VT, XDCT, P.Q.Minh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân



QUY ĐỊNH
Về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng
trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 252 /2025/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

- a) Quy định này quy định về các hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ) và cơ sở hỏa táng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
- b) Những nội dung khác về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 23/2016/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước có hoạt động liên quan đến nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

1. Hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.
2. Trường hợp đặc biệt được xem xét chấp thuận táng trong khuôn viên nhà thờ, chùa, thánh thất tôn giáo theo khoản 4, Điều 3 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP, phải đáp ứng các yêu cầu sau:
- a) Không nằm trong khu vực nội thị phường, khu đông dân cư;
- b) Đáp ứng các yêu cầu về xử lý môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường; Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành khác.

3. Hoạt động quản lý, xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

4. Khuyến khích áp dụng các công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường trong việc quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

Điều 3. Phân cấp quản lý nghĩa trang

1. Nghĩa trang được phân thành: Nghĩa trang cấp thành phố, nghĩa trang cấp xã và được xác định trong quy hoạch xây dựng do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố quản lý các nghĩa trang cấp thành phố và cơ sở hỏa táng. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước đối với nghĩa trang, cơ sở hỏa táng thuộc cấp thành phố quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các nghĩa trang cấp xã trên địa bàn trừ các nghĩa trang thuộc thành phố quản lý.

Chương II

XÂY DỰNG, CẢI TẠO, ĐÓNG CỬA VÀ DI CHUYỂN NGHĨA TRANG, CƠ SỞ HỎA TÁNG

Điều 4. Xây dựng mới, mở rộng, cải tạo nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

1. Xây dựng mới, mở rộng, cải tạo nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phải tuân theo quy hoạch thành phố, quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phải tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng; phải tuân theo các quy định QCVN 07-10:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ.

2. Việc xây mới, tu bổ phần mộ, bia mộ, trồng cây trong nghĩa trang phải được sự chấp thuận của đơn vị quản lý nghĩa trang. Diện tích mộ, khoảng cách giữa các mộ và các công trình khác không được làm ảnh hưởng đến các phần mộ, công trình, cảnh quan chung của nghĩa trang, phải tuân thủ theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang được duyệt, tuân thủ các quy định theo QCVN 07-10:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ, và các quy định hiện hành khác có liên quan.

3. Đơn vị quản lý nghĩa trang có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc xây mới, tu bổ phần mộ trong nghĩa trang theo đúng quy định.

Điều 5. Đóng cửa nghĩa trang

1. Các nghĩa trang phải đóng cửa khi không còn diện tích sử dụng, gây ô nhiễm môi trường và theo quy hoạch thành phố, quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đóng cửa nghĩa trang cấp thành phố; Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đóng cửa nghĩa trang cấp xã.

3. Các tổ chức, cá nhân quản lý nghĩa trang có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo công khai Quyết định đóng cửa nghĩa trang trên địa bàn quản lý.

4. Các nhiệm vụ phải thực hiện khi đóng cửa nghĩa trang thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 11 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

5. Kinh phí thực hiện đóng cửa nghĩa trang:

a) Đối với nghĩa trang đầu tư từ ngân sách nhà nước thì kinh phí đóng cửa nghĩa trang lấy từ ngân sách nhà nước.

b) Đối với nghĩa trang đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước thì kinh phí đóng cửa do đơn vị đầu tư nghĩa trang đảm bảo.

Điều 6. Di chuyển nghĩa trang và các phần mộ riêng lẻ

1. Các nghĩa trang và các phần mộ riêng lẻ phải di chuyển khi:

a) Gây ô nhiễm môi trường, cảnh quan nghiêm trọng không có khả năng khắc phục, ảnh hưởng đến môi trường sống của cộng đồng, không còn phù hợp với quy hoạch thành phố, quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo quy định pháp luật về đất đai;

c) Mộ vô chủ hoặc không còn thân nhân chăm sóc.

2. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định di chuyển nghĩa trang cấp thành phố và thông báo công khai di chuyển nghĩa trang và nghĩa trang được di chuyển tới. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định di chuyển nghĩa trang cấp xã và thông báo công khai di chuyển nghĩa trang và nghĩa trang được di chuyển tới.

3. Vốn dùng cho việc bồi thường giải phóng mặt bằng, di chuyển nghĩa trang và các phần mộ riêng lẻ để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nào thì được tính cho tổng mức đầu tư của các dự án đó.

4. Đối với các phần mộ không còn thân nhân chăm sóc, Ủy ban nhân dân cấp xã điều tra tìm hiểu, xác định lại thông tin về thân nhân và lập kế hoạch di dời các phần mộ này vào trong các nghĩa trang đã được quy hoạch và xây dựng theo quy định.

5. Các tổ chức, cá nhân quản lý nghĩa trang có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo công khai Quyết định di chuyển nghĩa trang trên địa bàn quản lý.

6. Các nhiệm vụ phải thực hiện khi di chuyển nghĩa trang và các phần mộ riêng lẻ thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

Điều 7. Các đối tượng được hưởng chính sách theo điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP

1. Đối tượng quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng;

2. Con của người đơn thân nghèo đang nuôi con quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

3. Người từ đủ 80 tuổi đang hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGHĨA TRANG VÀ CƠ SỞ HỎA TÁNG

Điều 8. Quy định chung về quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

1. Quy định chung về quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng thực hiện theo quy định tại Điều 14 và Điều 20 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, tổ chức liên quan đến quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 15, Điều 16 và Điều 17 Quy định này.

Điều 9. Vệ sinh trong mai táng, hỏa táng và vệ sinh trong xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng

1. Vệ sinh trong mai táng, hỏa táng và vệ sinh trong xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng thực hiện theo quy định của Bộ Y tế tại Thông tư 21/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 Quy định về vệ sinh trong mai táng, hỏa táng.

2. Thực hiện công tác đảm bảo về môi trường trong mai táng, hỏa táng theo quy định tại Điều 63 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; tại Điều 55 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường.

Điều 10. Lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang

1. Nội dung hồ sơ nghĩa trang:

a) Trong hồ sơ lưu trữ cần ghi đầy đủ khu mộ/hàng mộ/số mộ, sơ đồ vị trí các khu chức năng, vị trí các ô lưu giữ tro cốt (bao gồm vị trí đã sử dụng và vị trí còn trống); trên mộ phải ghi số mộ. Số của các phần mộ trong nghĩa trang phải tương ứng với hồ sơ lưu.

b) Sổ theo dõi hoạt động táng, lưu giữ tro cốt.

c) Lưu trữ các thông tin cơ bản của người được táng: họ tên, quê quán, nguyên nhân chết, ngày chết, địa chỉ thân nhân để liên hệ và các giấy tờ liên quan.

2. Đơn vị quản lý nghĩa trang có trách nhiệm lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang; cung cấp thông tin cho tổ chức và cá nhân khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Khuyến khích áp dụng công nghệ thông tin tiên tiến trong việc lập, lưu trữ, khai thác hồ sơ nghĩa trang.

Điều 11. Xác định vị trí các phần mộ, các ô lưu trữ tro cốt trong nghĩa trang

1. Tất cả các phần mộ, các ô lưu trữ tro cốt trong nghĩa trang đều phải được đánh số.

2. Việc xác định vị trí các phần mộ, các ô lưu trữ tro cốt trong nghĩa trang phải đảm bảo mục tiêu rõ ràng, thuận tiện cho người sử dụng và người quản lý.

3. Phương pháp xác định vị trí các phần mộ.

a) Vị trí của ngôi mộ trong nghĩa trang được tạo thành bởi: khu mộ/hàng mộ/số mộ;

b) Sử dụng các chữ cái A, B, C, ... hoặc tên riêng đặc trưng đặt tên cho các khu mộ;

c) Sử dụng các chữ cái A, B, C, ... để đánh số cho các hàng mộ trong khu mộ dọc theo các trục đường chính (*xem hình minh họa*);

Khu A, B, C....
(hoặc Tên riêng đặc trưng)

A21	A22	A23	A2n
A11	A12	A13	A1n

d) Sử dụng các số tự nhiên 1, 2, 3, ... để đánh số liên tiếp cho các mộ trong khu dọc theo các hàng (dự kiến cả số của những mộ chưa được xây dựng).

đ) Trong trường hợp các ngôi mộ hiện hữu không được xây theo dãy, hàng thì sử dụng các chữ cái A, B, C, ... hoặc tên riêng đặc trưng để phân khu và sử dụng các số tự nhiên 1, 2, 3, ... đánh số liên tiếp các ngôi mộ trong khu.

4. Phương pháp xác định vị trí các ô lưu trữ tro cốt.

a) Sử dụng các chữ cái A, B, C, ... hoặc tên riêng đặc trưng đặt tên cho các khu, các phòng lưu trữ tro cốt;

b) Sử dụng các số tự nhiên 1, 2, 3, ... để đánh số thứ tự cho các tầng (nếu có) và cho các ô lưu trữ tro cốt;

c) Tùy theo cách bố trí các ô lưu trữ tro cốt, đơn vị quản lý nghĩa trang chủ động đưa ra phương pháp phân khu các ô lưu trữ cho phù hợp, thuận tiện cho người tìm kiếm và người quản lý.

5. Ghi tên khu mộ, đánh số ngôi mộ, vị trí ô lưu giữ tro cốt phải rõ ràng, đảm bảo sử dụng lâu dài.

6. Khuyến khích áp dụng các công nghệ tiên tiến vào việc xác định vị trí các phần mộ và các ô lưu trữ tro cốt trong các nghĩa trang.

Điều 12. Sử dụng đất trong nghĩa trang, cơ sở hỏa táng

1. Đối với nghĩa trang được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước phải dành tối thiểu 5% diện tích đất mai táng đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang được cấp có thẩm quyền phê duyệt, để phục vụ cho các đối tượng chính sách xã hội khi chết trên địa bàn. Trường hợp địa phương không cần sử dụng quỹ đất này thì chủ đầu tư nghĩa trang đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Quỹ đất quy định tại khoản 1 Điều này được chủ đầu tư nghĩa trang bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thống nhất quản lý, khai thác.

3. Diện tích đất sử dụng cho mỗi mộ (không tính diện tích đường đi xung quanh mộ), thể tích ô để lộ tro cốt hỏa táng tuân thủ theo quy chuẩn QCVN 07-10:2023/BXD và quy định tại Điều 4 Nghị định số 23/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Thể tích ô để lộ tro cốt sau hỏa táng trong các công trình lưu tro cốt tối đa là $0,125\text{m}^3/\text{ô}$.

b) Diện tích đất sử dụng cho mỗi phần mộ đơn (không tính diện tích đường đi xung quanh mộ) tối đa $3\text{m}^2/\text{mộ}$.

4. Các nội dung về diện tích sử dụng đất cho các công trình, khu chức năng của nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phải tuân thủ quy chuẩn QCVN 07-10:2023/BXD.

Điều 13. Giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng và giá chuyển nhượng quyền sử dụng phần mộ cá nhân

1. Giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng và giá chuyển nhượng quyền sử dụng phần mộ cá nhân được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

2. Đối với nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước: việc lập phương án giá, thẩm định phương án giá, trình và ban hành văn bản định giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng thực hiện theo Luật Giá và các văn bản hướng dẫn Luật Giá.

Điều 14. Quy chế quản lý nghĩa trang

1. Các đơn vị quản lý nghĩa trang có trách nhiệm lập quy chế quản lý nghĩa trang đối với các nghĩa trang do mình quản lý. Nội dung quy chế quản lý nghĩa trang thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang:

a) Đối với nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước: Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang cấp thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định và phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang cấp xã trên địa bàn do mình quản lý.

b) Đối với nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: thực hiện theo điểm b, khoản 3, Điều 17 Nghị định 23/2016/NĐ-CP.

3. Các nghĩa trang được xây dựng mới, quy chế quản lý nghĩa trang phải được lập và phê duyệt trước khi đưa nghĩa trang vào khai thác, sử dụng. Đối với các nghĩa trang hiện hữu nếu chưa có quy chế quản lý nghĩa trang thì phải tiến hành lập và trình phê duyệt theo đúng quy định.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CÁC SỞ NGÀNH, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ngành có liên quan

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng hệ thống nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng.

c) Chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức lập phương án giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng đối nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu

tư xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước cấp thành phố, thẩm định phương án giá, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản định giá.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Quy chế quản lý nghĩa trang cấp thành phố.

đ) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đóng cửa hoặc di chuyển nghĩa trang cấp thành phố.

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thực hiện khoản 2 Điều 28 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

g) Phổ biến, giám sát, hướng dẫn việc thực hiện những quy định về quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

h) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-BXD ngày 16/01/2023 của Bộ Xây dựng.

2. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn việc sử dụng vốn ngân sách trong đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng, di chuyển nghĩa trang, chi phí quản lý nghĩa trang, nguồn thu từ phí, lệ phí dịch vụ trong nghĩa trang.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Xử lý, kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm về tài chính trong việc quản lý và sử dụng nghĩa trang theo thẩm quyền.

c) Theo dõi, kiểm tra việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong đầu tư xây dựng, cải tạo mở rộng, di chuyển nghĩa trang, chi phí quản lý nghĩa trang, nguồn thu dịch vụ nghĩa trang theo quy định.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện hỗ trợ đầu tư, ưu đãi đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, các quy định về xã hội hóa đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng cho phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương và quy định của pháp luật.

đ) Tham mưu cho UBND thành phố phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng, vận động thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng bằng các nguồn vốn hợp pháp.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai và môi trường đối với các hoạt động của nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn thành phố;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo quy hoạch nghĩa trang được cấp thẩm quyền phê duyệt;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quy định vùng hạn chế, vùng cấm khai thác nước ngầm, khai thác khoáng sản tại những khu vực nghĩa trang, cơ sở hỏa táng đã được đầu tư xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về vệ sinh môi trường trong các hoạt động táng; hỏa táng;

4. Sở Y tế:

a) Hướng dẫn, giám sát việc bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh phòng dịch, không gây ô nhiễm môi trường của các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo quy định của pháp luật và của Bộ Y tế.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ chi phí mai táng theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ hỏa táng của các dự án đầu tư cơ sở hỏa táng trên địa bàn thành phố theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ; Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng:

a) Phối hợp với các tổ chức chính trị, chính trị xã hội tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng hình thức hỏa táng, tổ chức tang lễ tiết kiệm, văn minh, hiện đại, đảm bảo vệ sinh môi trường;

b) Tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng văn minh, hiện đại, các vùng dân tộc thiểu số khuyến khích sử dụng hỏa táng tại cơ sở hỏa táng theo quy hoạch nhằm góp phần thay đổi tập quán cũ, tiết kiệm quỹ đất và bảo vệ môi trường.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện công tác quản lý, xây dựng và sử dụng nghĩa trang quy mô cấp xã trên địa bàn.

2. Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết quy hoạch nghĩa trang thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấm mốc sau khi quy hoạch được duyệt; thực hiện cắm mốc ngoài thực địa hoặc áp dụng công nghệ thông tin, quản lý và lưu trữ hồ sơ cấm mốc theo quy định. Tổng hợp, thực hiện thủ tục bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm đối với quy hoạch nghĩa trang thuộc thẩm quyền quản lý, ngay sau khi quy hoạch được duyệt theo quy định.

3. Tổ chức lập và thực hiện kế hoạch xây dựng, cải tạo, đóng cửa, di chuyển nghĩa trang thuộc thẩm quyền quản lý. Tổ chức thông báo cho nhân dân về việc đóng cửa, di chuyển nghĩa trang.

4. Xem xét, chấp thuận đối với các trường hợp táng trong các khuôn viên nhà thờ, chùa, thánh thất tôn giáo trong phạm vi địa giới hành chính quản lý theo quy định tại khoản 2, Điều 2 Quy định này.

5. Kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất việc tuân thủ các quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, quản lý nghĩa trang trên địa bàn.

6. Làm chủ đầu tư hoặc giao cho đơn vị có đủ điều kiện làm chủ đầu tư xây dựng công trình nghĩa trang được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

7. Phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do đơn vị quản lý nghĩa trang xây dựng theo khoản 2 Điều 15 Quy định này.

8. Thực hiện các chế độ, chính sách xã hội đối với các đối tượng đặc biệt, đối tượng chính sách trong việc táng khi chết theo quy định.

9. Chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức lập phương án giá dịch vụ nghĩa trang đối nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước cấp xã, trình thẩm định phương án giá theo quy định.

10. Phổ biến, giám sát việc thực hiện những quy định về quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

11. Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về vệ sinh môi trường trong các hoạt động táng; hỏa táng.

12. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn quản lý; báo cáo định kỳ hàng năm bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Tên báo cáo: Tình hình xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn phường, xã, đặc khu;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo/ Mẫu đề cương báo cáo: Theo mẫu số 0011 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BXD ngày 16/01/2023 của Bộ Xây dựng;

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu;

d) Cơ quan nhận báo cáo: Sở Xây dựng;

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Gửi qua hệ thống thư điện tử (Hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử của Thành phố)

- e) Thời hạn gửi báo cáo: chậm nhất vào ngày 18 tháng 12 hàng năm.
- g) Tần suất thực hiện báo cáo: Hàng năm
- h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng

1. Lập Quy chế quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo đúng nội dung quy định tại Điều 17, Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.
2. Quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng theo quy chế quản lý nghĩa trang được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định hiện hành của pháp luật.
3. Cung cấp các dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng cho người sử dụng, bảo đảm chất lượng dịch vụ theo quy định.
4. Tham mưu cho các cấp có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến nghĩa trang, cơ sở hỏa táng.
5. Thường xuyên chăm sóc, bảo quản phần mộ, tro cốt; báo ngay cho thân nhân của người chết và các cơ quan chức năng theo thẩm quyền giải quyết khi phát hiện ra những hiện tượng bất thường liên quan đến phần mộ, tro cốt như: mất trộm, xuống cấp, hư hỏng.
6. Kiểm tra và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến nghĩa trang và người sử dụng dịch vụ nghĩa trang; báo cáo cho các cơ quan chức năng các hành vi vi phạm nghiêm trọng để giải quyết kịp thời.
7. Chăm sóc, ươm trồng các vườn hoa, thảm cỏ, cây cảnh, cây xanh, làm sạch đẹp môi trường, cảnh quan trong nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.
8. Kiểm tra và đề xuất việc tu bổ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.
9. Đảm bảo trang thiết bị bảo hộ cá nhân như: khẩu trang, quần áo, ủng, găng tay ... cho nhân viên và yêu cầu sử dụng khi trực tiếp thực hiện công việc táng, hỏa táng.
10. Lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang, hỏa táng.
11. Rà soát việc đánh số, xác định vị trí khu mộ, hàng mộ, ngôi mộ, ô tro cốt trong nghĩa trang, đưa ra phương án điều chỉnh thích hợp (nếu cần thiết).
12. Lập các bảng chỉ dẫn, sơ đồ vị trí các khu chức năng, khu mộ, hàng mộ, phần mộ và vị trí các ô lưu trữ tro cốt phục vụ cho người thăm viếng.
13. Tiếp nhận việc đăng ký trước khi sử dụng phần mộ cá nhân trong nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

14. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng của đơn vị; báo cáo định kỳ hàng năm bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Tên báo cáo: Tình hình xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng của đơn vị;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo/ Mẫu đề cương báo cáo: Theo mẫu số 0011 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BXD ngày 16/01/2023 của Bộ Xây dựng;

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Chủ đầu tư nghĩa trang, cơ sở hỏa táng đầu tư từ vốn ngoài ngân sách nhà nước;

d) Cơ quan nhận báo cáo: Sở Xây dựng;

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: bằng một trong các phương thức theo quy định tại khoản 4, Điều 8 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ.

e) Thời hạn gửi báo cáo: chậm nhất vào ngày 18 tháng 12 hàng năm.

g) Tần suất thực hiện báo cáo: Hàng năm

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

15. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 19, Điều 23 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP và theo quy định của pháp luật có liên quan.